TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **131**/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v*: "Tranh chấp*
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019, về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:164/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1020/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1. **Bà Lê Thị T**, sinh năm 1973;

2. **Ông Lê Đình H**, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: 51/22, tổ 2, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông **Lê Huy V**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 45, đường N, phường 12, quận T, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2019).

2. Bị đơn: 1. **Bà Hoàng Thị T**, sinh năm 1965;

2. **Bà Lê Thị L**, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: 266, tổ 7, khu phố 5A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông V xin vắng mặt;bà L, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện nguyên đơn ông V trình bày:

Do có quan hệ quen biết từ trước nên vào ngày 28/01/2016, bà Lê Thị T, ông Lê Đình H có cho bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L vay tổng số tiền 798.000.000đồng, hai bên có lập giấy cam kết vay tiền, thỏa thuận lãi suất 0.7% tháng, phương thức thanh toán là 1 tháng trả gốc 10.000.000đồng cộng với tiền lãi là 5.586.000đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, sau khi vay tiền bà T và bà L không trả được nợ gốc mà chỉ trả được lãi đến ngày 31/12/2017 với tổng số tiền lãi là 125.274.000đồng rồi không trả được lãi nữa. Đến ngày 14/02/2018, bà T có trả thêm được 10.000.000đồng tiền nợ gốc và viết cam kết nhận nợ sẽ trả hết số nợ gốc 788.000.000đồng vào ngày 30/6/2018 nhưng mãi đến ngày 16/3/2019 bà T chỉ trả được thêm 12.000.000đồng nợ gốc rồi không trả thêm khoản nào khác.

Như vậy, tính đến ngày 11/12/2017 bà T và bà L đã trả được 22.000.000đồng nợ gốc và 125.274.000đồng. Hiện bà T và bà L còn nợ số tiền gốc là 776.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 11/12/2017. Mặc dù vợ chồng bà T, ông H đã nhiều lần yêu trả nợ nhưng bà T và bà L chỉ hứa trả mà không thực hiện. Nay bà T, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố B giải quyết buộc bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L phải trả số tiền nợ gốc 776.000.000đ và lãi suất quá hạn 1.125% kể từ ngày 11/12/2017 đến ngày 27/11/2019 là 205.155.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 981.155.000đồng

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T, bà L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L phải trả cho ông H, bà T số tiền nợ gốc 776.000.000đ và lãi là 205.155.000đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đượng sự: Bà Lê Thị T, ông Lê Đình H khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị T, bà Lê Thị L trả lại số tiền đã vay theo các Giấy biên nhận nhận tiền các bên đã ký nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định bà Lê Thị T, ông Lê Đình H là nguyên đơn; Bà Hoàng Thị T, bà Lê Thị L là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Hoàng Thị T, bà Lê Thị L hiện đang cư trú tại 266, tổ 7, khu phố 5A, phường L, thành phố B. Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Huy V có làm đơn xin được xét vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng bà T, bà L vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[4.1] Đối với số tiền gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với bà T và bà L nhưng căn cứ vào Giấy cam kết vay tiền ngày 28/01/2016; Giấy tổng hợp trả lãi ngày 31/12/2017 và Giấy nhận nợ ngày 14/02/2018 do bà T và bà L ký, ghi rõ họ tên cùng các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ, nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định vào ngày 28/01/2016 bà Lê Thị T, ông Lê Đình H có cho bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L vay số tiền 798.000.000đồng. Từ ngày vay đến ngày 11/12/2017 bà T và bà L đã trả được nợ gốc là 22.000.000đồng, hiện còn nợ gốc là 776.000.000đồng. Nên căn cứ theo thỏa thuận của các bên tại Giấy vay tiền ngày 28/01/2016 có ghi nhận về thời hạn trả nợ thì bà T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà T và bà L vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, vậy nên xem như bà T và bà L đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T, ông H đối với việc buộc bà T và bà L phải trả số tiền gốc 776.000.000đồng là có cơ sở.

[4.2] Đối với yêu cầu lãi suất: Theo bà T và ông H thừa nhận, bà T và bà L đã trả lãi đối với khoản vay 798.000.000đồng cho ông bà đến ngày 11/12/2017 là 125.274.000đồng nên ông bà chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 12/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 23 tháng 15 ngày, lãi suất yêu cầu tính là 1.125%/năm. Căn cứ vào giấy Giấy cam kết vay tiền ngày 28/01/2016 thì mặc dù giao dịch được ký kết trước ngày 01.01.2017 nhưng vì các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ đã thỏa thuận nên căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất là 1.125%/năm, xét yêu cầu của nguyên đơn có lợi cho bị đơn nên ghi nhận, buộc bị đơn phải trả lãi cụ thể như sau:

776.000.000đ x1.125% x 23 tháng 15 ngày = 205.155.000đồng.

Từ sự nhận định trên, căn cứ theo qui định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, ông Lê Đình H. Buộc bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L phải trả số tiền 981.155.000đồng, trong đó nợ gốc là 776.000.000đồng và nợ lãi là 205.155.000đồng.

[5] Về án phí DSST:

Bà Hoàng Thị T, bà Lê Thị L phải chịu 41.435.000đồng án phí.

Bà Lê Thị T, ông Lê Đình H được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 39, Điều 203, Điều 207, Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, ông Lê Đình H. Buộc bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L phải trả cho bà Lê Thị T và ông Lê Đình H số tiền 981.155.000đồng *(Chín trăm tám mốt triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng;* trong đó nợ gốc là 776.000.000đồng; nợ lãi là 205.155.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí DSST:

Bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L phải chịu 41.435.000đồng án phí;

Bà Lê Thị T và ông Lê Đình H được nhận lại số tiền 19.735.000đồng *(Mười chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008027 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố B.

Bà Lê Thị T, ông Lê Đình H, bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Xuân